TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2023/DS-PT
Ngày 04/5/2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 24/4/2023 và 04/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐ-PT ngày 22/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2003/QĐ-PT ngày 11/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Duyên N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn P, sinh năm 1979.

Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Nguyễn Văn P.

(Chị N vắng mặt; ông P có mặt phiên tòa ngày 24/4/2023, vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/5/2023; bà K có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Duyên N trình bày:

Ngày 16/11/2020, ông P và bà K có vay của chị N số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Ông P và bà K có ký 01 biên nhận vay với nội dung xác nhận ông P và bà K có vay tiền của chị N, thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, mục đích là để làm hồ sơ vay vốn ngân hàng, và cam kết khi nào ngân hàng giải ngân sẽ trả cho chị N số tiền gốc và lãi. Nhưng sau đó, ông P và bà K trình bày do gặp khó khăn và cần tiền gấp nên muốn vay thêm. Đến ngày 11/5/2021, ông P và bà K đã ký tên vào biên nhận vay mới với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật (theo lãi suất ngân hàng), và hứa đến ngày 20/5/2021 sẽ hoàn trả đầy đủ cả vốn và lãi từ trước đến nay cho chị N. Để làm tin, ngày 17/5/2021 ông P đã đưa cho chị N giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: thửa số 224 và thửa số 244 cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất.

Kể từ khi ký xác nhận nợ đến nay, cũng hết thời hạn vay đã lâu. Ông P và bà K vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và cũng chưa trả lãi cho chị N tháng nào. Chị N đã nhiều lần yêu cầu ông P và bà K trả nợ, nhưng ông bà luôn tìm mọi lý do nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Chị N yêu cầu: Buộc vợ chồng ông P, bà Khôn c liên đới trả cho chị N số tiền nợ gốc còn lại là 2.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 0,83%/tháng, tính từ ngày bên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 20/5/2021 (ngày hết hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận trong biên nhận nợ) đến 25/8/2022, chỉ yêu cầu tính tròn 15 tháng, với số tiền: 2.000.000.000 x 15 x 0,83% = 249.000.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 2.249.000.000đồng.

Chị N đồng ý tự nguyện trả lại cho ông P 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính: 1) số CX 389614, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/8/2020(chuyển nhượng cho ông P 10/12/2020), diện tích 1389,0m^2, thửa 224, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất; 2) số CX 389615, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/8/2020(chuyển nhượng cho ông P 10/12/2020), diện tích 4125,0m^2, thửa 244, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất.

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Kim K: Không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Duyên N.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Kim K có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng, tiền lãi là 249.000.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 2.249.000.000đồng (Hai tỉ, hai trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Duyên N. Chị N đồng ý trả lại cho ông P 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính: 1) số CX 389614, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/8/2020(chuyển nhượng cho ông P 10/12/2020), diện tích 1389,0m^2, thửa 224, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất; 2) số CX 389615, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/8/2020(chuyển nhượng cho ông P 10/12/2020), diện tích 4125,0m^2, thửa 244, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Về án phí:

Ông P và bà K liên đới chịu 76.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng theo biên lai số 0009281 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Ngày 24/10/2022 ông Nguyễn Văn P kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm (ngày 24/4/2023) ông P phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do, bà K có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/4/2023, sau khi kết thúc phần hỏi ông P đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ngừng phiên tòa để anh P cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên đến khi mở lại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/5/2023 anh P vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của ông P yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là ông P chỉ đồng ý trả cho chị N vốn 01 tỷ đồng và lãi của 01 tỷ đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn chị N yêu cầu ông P và bà K liên đới trả cho chị N số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và lãi. Chứng cứ chị N đưa ra là Biên nhận vay tiền ngày 14/5/2021, có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Nguyễn Văn P và ông P cũng thừa nhận có ký tên, ghi họ tên.

Còn việc ông P cho rằng bị chị N ép buộc ký biên nhận và ông P kháng cáo nại ra rằng ông P và bà K chỉ vay của chị N 01 tỷ đồng, còn việc ký vào biên nhận ngày 14/5/2021 là bị chị N ép buộc ký và sau khi ký biên nhận ông P có trình báo Công an xã. Tuy nhiên, ông P không cung cấp được biên bản làm việc nào của cơ quan Công an hoặc các tài liệu chứng cứ gì để chứng minh.

Từ đó, xác định rằng giữa chị N, ông P có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền là 2.000.000.000 đồng.

Đối với bà K là vợ của ông P bị buộc liên đới cùng ông P trả nợ cho chị N nhưng bà K không kháng cáo.

Từ đó, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P và bà K có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng, tiền lãi là 249.000.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 2.249.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với việc chị N đồng ý tự nguyện trả lại cho ông P 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn P.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Duyên N.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Kim K có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền vốn vay là 2.000.000.000 đồng, tiền lãi là 249.000.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 2.249.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Duyên N. Chị Lê Thị Duyên N đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn P:

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 389614, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 13/8/2020 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn P ngày 10/12/2020), diện tích 1.389,0m^2, thửa 224, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất.

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 389615, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 13/8/2020 (chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn P 10/12/2020), diện tích 4125,0m^2, thửa 244, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do ông Nguyễn Văn P đứng tên quyền sử dụng đất.

3. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Kim K phải liên đới chịu 76.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 00145548 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Chị Lê Thị Duyên N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng theo biên lai số 0009281 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Ngọc Thông